

Bản án số: 48/2024/HS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng; Nơi cư trú: Xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Lê Kim Cảnh; Nơi công tác: Bí thư xã đoàn xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/TLST-HS, ngày 13/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Huy G – Sinh ngày 31/10/2006

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; con ông: Lê Huy S, sinh năm 1980 và bà Lê Thị H, sinh năm 1982; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2024 đến ngày 27/01/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đình N – Sinh năm 1998

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; con ông: Lê Đình H, sinh năm 1962 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1969; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: Ngày 04/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạt bổ sung 5.000.000đ, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2022.

Tiền sự: Ngày 26/5/2023 bị Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000đ về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ”, đã nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 23/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo G, bà Lê Thị H (mẹ đẻ), sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo N, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Luật sư trợ giúp pháp lý của Công ty Luật Năm Châu, đoàn luật sư Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ ngày 23/01/2024, tổ công tác Phòng PC04, Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa kiểm tra cư trú nhà trọ tại thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa do Lê Thị H, sinh năm 1991, có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa quản lý, sử dụng. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà trọ có Lê Huy G. Tổ công tác kiểm tra người của Lê Huy G phát hiện bên trong túi quần bên phải G đang mặc có 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 04 túi nilon màu trắng có các kích thước khác nhau, trong 4 túi nilon màu trắng đều chứa chất bột màu hồng, G khai nhận chất bột màu hồng trong túi nilon là ma túy (hồng phiến), nguồn gốc số ma túy trên G nhặt ở quán Karaoke khi chở nhân viên đến quán phục vụ trước đó (G không nhớ địa chỉ và thời gian). Mục đích G nhặt về để sử dụng. Tổ Công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong tang vật ký hiệu M1.

Ngày 24/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa ra quyết định trưng cầu giám định chất ma túy theo quy định. Tại bản kết luận giám định số 406/KL – KTHS ngày 26/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chất bột màu hồng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,285g, loại methamphetamine.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị bắt quả tang, trước đó vào ngày 08/12/2023 Lê Huy G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu đỏ đen bKS36C2 – 105.57 của chị Lê Thị Hợp cùng Lê Đình N đi giao ma túy cho Trịnh Ngọc H tại khu vực bên cạnh Công ty bê tông V thuộc thôn Á, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và được N trả công 300.000đ.

Ngày 20/02/2024 Lê Đình N đến Cơ quan quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú và khai nhận về hành vi cùng Lê Huy G bán trái phép chất ma túy cho Trịnh Ngọc H vào ngày 08/12/2023, cụ thể: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 08/12/2023, Trịnh Ngọc H gọi điện thoại cho Lê Đình N hỏi mua 50 viên hồng phiến (ma túy), N đồng ý bán với giá 4.000.000đ, H chuyển số tiền 4.000.000đ từ tài khoản số 9382862273 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mang tên Trịnh Ngọc H đến số tài khoản 0896503114 của Ngân hàng TMCP Quân đội mang tên Lê Đình N cho N. Sau khi nhận tiền từ H, N gọi điện thoại (zalo) cho người tên Đ ở huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (N không biết

tên, tuổi địa chỉ cụ thể) mua 50 viên hồng phiến với giá 3.000.000đ, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N gọi điện cho H hẹn đến địa điểm tại khu vực bên cạnh Công ty bê tông V thuộc thôn A, xã D, huyện Triệu Sơn để giao ma túy, sau đó Lê Đình N điều khiển xe mô tô BKS 36B6 – 988.02 và Lê Huy G điều khiển xe mô tô BKS C2 – 105.57 đi đến địa điểm đã hẹn, khi Trịnh Ngọc H đến N đưa cho G 01 túi nilon màu xanh, bên trong có chứa 50 viên hồng phiến để G giao cho H. Sau khi G giao ma túy cho H thì N về trước còn H và G đi đâu N không rõ, sau đó N chuyển cho G 300.000đ tiền công.

Trịnh Ngọc H khai nhận như nội dung Lê Đình N, Lê Huy G đã khai. Đối với số ma túy mua của Lê Đình N, Trịnh Ngọc H khai nhận mua với mục đích để sử dụng và đã sử dụng hết.

Vật chứng và đồ vật thu giữ: Số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 1 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, dán kín, niêm phong được bảo quản chờ xử lý.

01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu trắng đỏ đen, BKS 36B6 – 988.02; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ đã qua sử dụng cho chủ sở hữu; Chuyển 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu trắng Đỏ đen, BKS 36B6 – 988.02 cho Công an huyện Triệu Sơn xử phạt hành chính về hành vi không sang tên đổi chủ.

*Cáo trạng số 44/ CT - VKS –TS, ngày 08/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Huy G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Truy tố bị cáo Lê Đình N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX.

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Huy G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 251 và Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự. Hình phạt đối với Lê Đình N từ 39 tháng đến 42 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/2/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự. Hình phạt đối với Lê Huy G từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt đề nghị bị cáo Lê Huy G phải chấp hành chung của 2 tội từ 30 đến 36 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2024

Bị cáo N không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo G chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng điểm b,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định
Truy thu của Lê Đình N 700.000đ nộp ngân sách Nhà nước.
Truy thu của Lê Huy G 300.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

* Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo G.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo G thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo, các điều luật áp dụng. Đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người chưa thành niên, tinh thần và thể chất chưa được phát triển H thiện, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội, thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận đối với Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo rất ân hận và mong Hội đồng xét xử cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp..

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận cụ thể như sau:

Vào hồi 20 giờ 30, ngày 08/12/2023, tại khu vực bên cạnh Công ty bê tông V thuộc thôn Ấ, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa Lê Đình N cùng Lê Huy G bán trái phép 50 viên hồng phiến (ma túy) cho Trịnh Ngọc H với giá 4.000.000đ. Lê Huy G được Lê Đình N trả công 300.000đ.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/01/2024, tại nhà trọ của chị Lê Thị H, địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Tổ công tác Phòng PC04,

Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an xã Dân Quyền phát hiện bắt quả tang Lê Huy G đang tàng trữ 0,285g ma túy, loại Methamphetamine.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lê Đình N và Lê Huy G đồng phạm trong việc bán ma túy trái phép cho Trịnh Ngọc H để hưởng lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Lê Huy G có hành vi tàng trữ trái phép 0,285g ma túy loại Methamphetamine. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lê Đình N, Lê Huy G và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng của Lê Huy G là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ma túy còn là tệ nạn xã hội, hủy hoại con người về thể chất, tinh thần và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức được tính nguy hiểm và biết rõ ma túy có tác hại nghiêm trọng trong đời sống xã hội nhưng bị cáo bất chấp pháp luật, không chịu tu dưỡng, rèn luyện. Do đó cần xử các bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo

Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: Giữa Lê Đình N và Lê Huy G là đồng phạm giản đơn. Lê Đình N là người đi mua ma túy về bán cho Trịnh Ngọc H để hưởng lợi bất chính, là người thỏa thuận giá cả, sắp xếp thời gian, bố trí địa điểm để giao ma túy, nên Lê Đình N giữ vai trò chính; Lê Huy G là người được N đưa ma túy để giao cho Trịnh Ngọc H và được trả công nên đồng phạm với vai trò là người giúp sức nên chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn N

Đối với tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” Lê Huy G có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Huy G không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Lê Đình N phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, Lê Đình N xúi giục Lê Huy G phạm tội khi G chưa đủ 18 tuổi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Đình N sau khi phạm tội ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Lê Huy G phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Điều 91, Điều 101 về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội để xử lý đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Lê Đình N không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định; bị cáo Lê Huy G chưa đủ 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định

- Truy thu số tiền hưởng lợi bất chính 1.000.000đ của các bị cáo nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của Lê Đình N 700.000đ, Lê Huy G 300.000đ

[7] Về nguồn gốc ma túy: Lê Đình N khai mua của người tên Đăng không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn không có căn cứ xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Trịnh Ngọc H khai nhận mua ma túy của Lê Đình N mục đích để sử dụng và đã sử dụng hết nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M cho Lê Đình N mượn xe mô tô nhưng không biết N sử dụng để đi bán ma túy nên không xem xét xử lý

Hành vi tàng trữ trái phép ma túy của G tại khu trọ của chị Lê Thị H và sử dụng xe mô tô của chị Hợp để đi bán ma túy cho N của Lê Huy G, chị H không biết nên không xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 251, Điều 249 Bộ luật hình sự

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Đình N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Lê Huy G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đình N: 39 (ba chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2024.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Huy G: 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Huy G: 18 (mười tám) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Huy G phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là: 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2024.

- Vật chứng: Áp dụng điểm b,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định

- Truy thu của bị cáo Lê Đình N 700.000đ nộp ngân sách Nhà nước

- Truy thu của bị cáo Lê Huy G 300.000đ nộp ngân sách Nhà nước

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 48/VC/2024 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

- Về án phí: Áp dụng điều 135, 136, Điều 333 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh TH;
- VKSND Triệu Sơn;
- Công an Triệu Sơn;
- Thi hành án DS Triệu Sơn;
- Bị cáo;
- Người đại diện;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lan

